TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số:129/2023/HS-ST Ngày 30-11-2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hoài Dinh.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ánh Nhạn.

2. Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Đình Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2023/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Minh D; sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970; Vợ: Phạm Thị Thúy V, sinh năm 1996; Con: có 02 người; Tiền án, tiền sự: không có; Nhân thân: chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16-3-2023 cho đến nay, *có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh D***:*** Luật sư Lê Việt Hoàng N – Văn phòng luật sư Nam Lê thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh.

Bị hại:

1. Anh Đặng Nam P1, sinh năm 1995; địa chỉ: phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*

2. Chị Nguyễn Thanh X, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*

3. Chị Ngô Thị Kim S, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

4. Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

5. Anh Đặng Thái H1, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. *Vắng mặt.*

6. Chị Nguyễn Thị Mộng T1, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp M, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1: Bà Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1978. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài và trả nợ, Lê Minh D làm môi giới mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi có người cần chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ nhờ D giới thiệu tìm người đến mua và cung cấp thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho D xem. Người cần mua đất sẽ liên lạc trực tiếp với D được D nói đất là của D mua nhưng chưa sang tên và cho xem thông tin giấy tờ đất để người mua tin tưởng làm hợp đồng đặt cọc mua bán đất và chiếm đoạt số tiền đặt cọc.

Ngoài ra, D còn rủ người có nhu cầu mua đất hùn tiền mua bán đất, sau đó lập hợp đồng đặt cọc mua bán đất khống để chiếm đoạt. Với thủ đoạn trên, D đã thực hiện 08 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Gò Dầu, cụ thể như sau:

- Vụ thứ 01: Khoảng đầu năm 2020, D giới thiệu bà Lê Thị L, sinh năm 1978, ngụ A P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh mua các thửa đất số 521, 524 tờ bản đồ số 46, tọa lạc ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp P, xã P, huyện G. Do bà L có hộ khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh, để thuận tiện cho việc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên bà L nhờ chị Nguyễn Thị Ái M, sinh năm 1997, ngụ ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 524 và 356, còn bà L và chồng là ông Trần Văn M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 521. Khoảng tháng 5/2021, bà L cần bán các thửa đất số 521, 524 tờ bản đồ số 46, tọa lạc ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh với giá 265.000.000 đồng/thửa nên bà L liên lạc với D nhờ giới thiệu người đến mua sẽ cho tiền huê hồng. Lúc này, D cần tiền để xoay sở trong gia đình và trả tiền nợ đồng thời khi giới thiệu bà L mua các thửa đất số 521, 524, D có lưu lại thông tin giấy tờ đất nên nảy sinh ý định kêu bán các thửa đất này để chiếm đoạt số tiền đặt cọc. D giới thiệu thửa đất số 521, 524 cho anh Đặng Nam P1, sinh năm 1995, ngụ khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương và nói dối là chủ đất cần bán mỗi

thửa đất với giá 220.000.000 đồng và gửi hình ảnh thông tin giấy tờ đất cho anh P1. Anh P1 nói muốn gặp chủ đất để thỏa thuận giá cả mua bán thì D nói chủ đất kẹt công chuyện không gặp được và do trước đó nhiều lần được D dẫn mua đất nên anh P1 tin tưởng và đồng ý mua các thửa đất số 521, 524 và hẹn đến ngày 14/5/2021 kêu chủ đất đến văn phòng công ty B để ký hợp động đặt cọc mua bán đất. Ngày 14/5/2021, D gặp anh P1 ký hợp đồng đặt cọc mua bán đất, anh P1 hỏi D chủ đất đâu không đi cùng thì D nói chủ đất bận công chuyện không đi được nên D đại diện nhận cọc rồi về đưa lại cho chủ đất, do trước đó D đã gửi thông tin giấy tờ đất nên anh P1 đã soạn sẵn giấy biên nhận đặt cọc với tên chủ đất là chị Nguyễn Thị Ái M và ông Trần Văn M1 (chồng bà L) bên người nhận cọc với số tiền đặt cọc thửa đất số 521 là 30.000.000 đồng và thửa đất số 524 là 30.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc là 30 ngày sẽ công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thanh toán số tiền còn lại. D ký tên vào bên nhận tiền cọc, còn anh P1 ký tên vào bên giao tiền cọc. Sau đó, anh P1 chuyển số tiền đặt cọc 60.000.000 đồng vào tài khoản số "5703205327964" mở tại Ngân hành A của D.

Vụ thứ 2: ngày 15/5/2021, D tiếp tục giới thiệu thửa đất số 356 tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp P, xã P, huyện G của bà L và gửi thông tin giấy tờ đất cho anh P1 và nói dối là chủ cần bán với giá 260.000.000 đồng thì anh P1 đồng ý mua và soạn sẵn giấy biên nhận đặt cọc với tên chủ đất là chị Nguyễn Thi Ái M với số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc là 30 ngày sẽ công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thanh toán số tiền còn lại. D ký tên vào bên nhận tiền cọc, còn anh P1 ký tên vào bên giao tiền cọc. Anh P1 chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản của D. Sau đó, D tiếp tục nói dối với anh P1 là chủ đất yêu cầu chuyển thêm tiền đặt cọc mua bán đất với số tiền 30.000.000 đồng với lý do là dịch bệnh covid bùng phát phải thực hiện giãn cách xã hội, nếu đến thời hạn công chứng thanh toán tiền mà anh P1 bị thực hiện giãn cách xã hội không đến được thì sẽ thông cảm chờ hết giãn cách xã hội sẽ làm thủ tục công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thanh toán tiền, không phải mất số tiền đặt cọc thì anh P1 đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản cho D.

- Vụ thứ 3: Khoảng đầu tháng 05/2021, anh Phạm Văn C, sinh năm 1983, ngụ ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh kêu bán thửa đất số 1194, tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp C, xã T, huyện G, diện tích 735,3m2 loại đất ở nông thôn (ONT), chiều ngang 12m giáp đường đất, chiều hậu 51m với số tiền 900.000.000 đồng. D đến xem đất, và thông tin giấy tờ đất, sau đó giới thiệu anh Trần Văn N1, sinh năm 1981, ngụ khu phố A, phường A, thi xã T, tỉnh Tây Ninh đến xem thửa đất và gặp anh C thỏa thuận giá mua bán rồi tiến hành làm hợp đồng đặt cọc với số tiền 200.000.000 đồng.

Do biết được thông thửa đất và cần tiền để tiêu xài nên D nảy sinh ý định bán thửa đất này để chiếm đoạt tiền đặt cọc. Khoảng cuối tháng 5/2021, D điện thoại cho bà Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1978, ngụ khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nói dối là cần bán thửa đất tại ấp C, xã T, huyện G và hẹn gặp bà

H2 để dẫn đi xem đất. D nói thửa đất của D mua nhưng chưa sang tên, giấy tờ đất đang nộp tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân huyện G để chuyển thổ cư và đưa cho bà H2 xem hình ảnh thông tin thửa đất trong điện thoại. Bà H2 đi xem đất và thỏa thuận giá cả mua bán. D kêu bán thửa đất này với giá 1.080.000.000 đồng nhưng bà H2 không có khả năng mua hết thửa đất nên nói với D là bà H2 chỉ mua chiều hậu 30m/51m, phần đất còn lại không đủ tiền để mua, hai bên thương lượng giá cả mua bán, D đồng ý bán một phần diện tích đất ngang 12m, chiều hậu 30m của thửa đất số 1194 cho bà H2 với giá 650.000.000 đồng. D chịu trách nhiệm làm thủ tục tách thửa và chuyển thổ cư 100%. Sau đó, bà H2 nói với bà Nguyễn Thị Mộng T1, sinh năm 1972, ngụ ấp M, xã A, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh biết sự việc D kêu bán đất ngang 12m, chiều hậu 30m của thửa đất số 1194, tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp C, xã T, huyện G với số tiền 650.000.000đ bao làm thủ tục tách thửa và chuyển thổ cư 100%, bà H2 nói với bà T1 là đất đẹp, giá cả hợp lý nên bà T1 đồng ý mua và đưa số tiền 50.000.000đ cho bà H2 để đặt cọc mua đất.

Ngày 02/6/2021, bà H2 và Dương làm hợp đồng đặt cọc, thời hạn đặt cọc 30 ngày, từ ngày 02/6/2021 đến ngày 02/7/2021 sẽ công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thanh toán tiền, bà H2 đưa số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng cho D.

- Vụ thứ 4: Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1971, ngụ ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh nhờ D chào bán các thửa đất số 618, 619 và 620 tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp S, xã P, huyện G do con ruột ông N2 là chị Phạm Thị Liễu H3, sinh năm 1992 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gửi thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho D. Sau đó, D dẫn người đến xem đất để mua nhưng không bán được.

Do có thông tin giấy tờ đất nên D giả vờ rủ anh Đặng Thái H1, sinh năm 1987, ngụ ấp P, xã P, huyện G hùn tiền mua đất để chiếm đoạt tiền. Ngày 25/11/2021, D điện thoại cho anh H1 nói có mấy lô đất đẹp cần bán với giá rẻ nhưng D không đủ tiền để mua và kêu anh H1 hùn tiền để mua đất. D gửi trích lục bản đồ đất cho anh H1 và gửi vị trí đất để anh H1 đi xem đất, sau khi xem đất xong anh H1 đồng ý, để anh H1 tin tưởng D đã lập hợp đồng mua bán đất rồi gửi cho anh H1 xem. Anh H1 tin tưởng nên ngày 29/11/2021, anh H1 chuyển khoản cho D số tiền 40.000.000 đồng để hùn tiền đặt cọc mua đất và D đã chiếm đoạt số tiền này.

- Vụ thứ 5: Khoảng đầu tháng 01/2022, anh Phạm Văn C, sinh năm 1983, ngụ ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh kêu bán thửa đất số 1196, tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp C, xã T, huyện G có diện tích 1401,2m2, có 31m ngang (mặt tiền giáp đường đất bằng phẳng, sâu bên trong đất có ao nước), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH12240, do UBND huyện G cấp ngày 31/12/2021. D dẫn anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1988, ngụ ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh đến gặp anh C để mua, hai bên thỏa thuận mua bán đất với giá 800.000.000 đồng và làm hợp đồng đặt cọc với số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng. Do anh C

đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nên đưa giấy hẹn trả hồ sơ đất cho anh Đ giữ.

Do cần tiền để tiêu xài và có được thông tin giấy tờ đất của thửa đất số 1196, tờ bản đồ số 14 mà anh Đ đã mua của anh C nên D nảy sinh ý định lập hợp đồng mua bán đất với người khác để chiếm đoạt tiền đặt cọc. Ngày 18/01/2022, D thỏa thuận bán cho chị Nguyễn Thi Mộng T, sinh năm 1994, ngụ ấp X, xã H, huyện G một phần diện tích đất ngang 05m x 29m trong thửa đất số 1196, tờ bản đồ số 14 với số tiền 295.000.000 đồng và nhận tiền cọc 40.000.000 đồng.

- Vụ thứ 6: Khoảng đầu tháng 7/2022, ông Lê Hoàng Đ1, sinh năm 1964 và vợ là Phạm Thị C1, sinh năm 1964, ngụ ấp S, xã P, huyện G kêu bán 30m ngang đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp S, xã P, huyện G có tổng diện tích là 2.525m2, mặt tiền giáp đường đất dài 91,26m, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI638121, do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/5/2007. D dẫn vợ chồng chị Trương Thị Hạ V1, sinh năm 1990 và anh Trần Xuân Lịch S1, sinh năm 1985, cùng ngụ ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh đến gặp vợ chồng ông Đ1 thỏa thuận mua 30m ngang với giá 80.000.000 đồng/ 01m đất, hai bên làm hợp đồng đặt cọc với số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng, chị V1 kêu ông Đ1 làm thủ tục tách thửa và tách 30m đất chị V1 mua thành 03 thửa, gồm 01 thửa 20m, 02 thửa còn lại mỗi thửa 05m, phần diện tích đất còn lại vợ chồng ông Đ1 không bán, thỏa thuận mọi chi phí tách thửa do ông Đ1 chịu. Sau đó, ông Đ1 nhờ D làm thủ tục chuyển lưới đất chính quy và tách thửa, ông Đ1 đưa cho bị can D 10.000.000 đồng chi phí làm thủ tục tách thửa đất và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho D. Do mua bán đất thua lỗ thiếu nợ và đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ1 nên D nảy sinh ý định bán diện tích đất mà vợ chồng chị V1 đã mua của vợ chồng ông Đ1 để chiếm đoạt tiền đặt cọc trả nợ.

Ngày 11/7/2022, D thỏa thuận bán cho chị Ngô Thị Kim S, sinh năm 1995, ngụ ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (chỗ ở ấp S, xã P, huyện G) thửa đất 05m (thửa đất này ông Đ1 đã bán cho chị V1) trong thửa đất số 108 tờ bản đồ số 17, giáp thửa đất số 107, diện tích 5m x 20,8m, trong đó có 50m2 đất thổ cư với số tiền 460.000.000 đồng, nhận tiền cọc 30.000.000 đồng và chiếm đoạt.

- Vụ thứ 7: Ngày 22/7/2022, D thỏa thuận bán cho chị Nguyễn Thanh X, sinh năm 1997, ngụ ấp P, xã P, huyện G thửa đất 05m (thửa đất này ông Đ1 đã bán cho chị V1) kế bên thửa đất đã bán cho chị S với số tiền 450.000.000 đồng, nhận tiền cọc 50.000.000 đồng và chiếm đoạt.

- Vụ thứ 8: Ngày 08/8/2022, D tiếp tục bán cho chị Nguyễn Thanh X 05m đất trong thửa đất 20m (thửa đất này ông Đ1 đã bán cho chị V1) với số tiền 500.000.000 đồng và nhận tiền cọc 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền D chiếm đoạt của chị Ngô Thị Kim S, chị Nguyễn Thanh X, chị Nguyễn Thị Mộng T, bà Nguyễn Thị Mộng T1 và anh Đặng Nam P1 thông qua hợp đồng đặt cọc mua bán đất là 350.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền

40.000.000 đồng của anh Đặng Thái H1 thông qua việc rủ anh H1 hùn tiền mua đất rồi lập hợp đồng đặt cọc mua đất khống gửi cho anh H1 để anh H1 tin tưởng.

Tại kết luận số 1681 ngày 28/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Chữ viết trong phần nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" mang tên Ngô Thi Kim S trên tài liệu cần giám định với chữ viết, chữ ký của Ngô Thi Kim S trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN A" và dưới mục "BÊN A" mang tên Lê Minh D trên tài liệu cần giám định với chữ viết, chữ ký của Lê Minh D trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Chữ viết tại các dòng 20, 21, 22, 24 và chữ ký, chữ viết dưới mục "BÊN C" mang tên Phạm Thị Thúy V trên tài liệu cần giám định; Chữ viết tại các dòng 20, 21 và chữ ký, chữ viết dưới mục "BÊN C" mang tên Phạm Thị Thúy V trên tài liệu cần giám định với chữ viết, chữ ký của Phạm Thị Thúy V trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Chữ viết tại các dòng 5, 8, 9, 10, 12, 29 và chữ viết, chữ ký dưới mục "BÊN B" mang tên Nguyễn Thanh X trên tài liệu cần giám định với chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thanh X trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Tại kết luận số 666 ngày 22/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Chữ viết mực màu xanh trên "HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC", đề ngày 18/01/2022 (ký hiệu A02) với chữ viết của Phạm Thị Thúy V trên 02 (hai) "BẢN TỰ KHAI/ BẢN TƯỜNG TRÌNH", đề ngày 15/12/2022 và ngày 21/3/2023 (ký hiệu M01, M02) là do cùng một người viết ra. Chữ viết, chữ ký đứng tên Lê minh D1 dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN A K và ghi rõ họ tên" trên "HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC", đề ngày 18/01/2022 (ký hiệu A02) với chữ ký, chữ viết của Lê Minh D trên 02 (hai) "BẢN TỰ KHAI/ BẢN TƯỜNG TRÌNH", đề ngày 16/3/2023 và ngày 04/5/2023 (ký hiệu M03, M04) là do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Tấn L1 dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN C Ký và ghi rõ họ tên" người làm chứng trên "HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC", đề ngày 18/01/2022 (ký hiệu A02) với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tấn L1 trên "BẢN TỰ KHAI/ BẢN TƯỜNG TRÌNH", đề ngày 20/3/2023 (ký hiệu M05) là do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Mộng T dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B Ký và ghi rõ họ tên" trên "HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC", đề ngày 18/01/2022 (ký hiệu A02) với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Mộng T trên "BẢN TỰ KHAI/ BẢN TƯỜNG TRÌNH", đề ngày 22/4/2023 (ký hiệu M06) là do cùng một người ký và viết ra. Chữ viết bằng mực màu xanh và chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Minh D dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN A K và ghi rõ họ tên" trên "HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC", đề ngày 02/6/2021 (ký hiệu A01) với chữ ký, chữ viết của Lê Minh D trên 02 (hai) "BẢN TỰ KHAI/ BẢN TƯỜNG TRÌNH", đề ngày 16/3/2023 và ngày 04/5/2023 (ký hiệu M03, M04) là do cùng một người ký và viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Ngô Thị Kim S, chị Nguyễn Thanh X, chị Nguyễn Thị Mộng T, bà Nguyễn Thị Mộng T1, anh Đặng Nam P1 và anh Đặng Thái H1 yêu cầu D trả lại số tiền đã chiếm đoạt. D đã tác động gia đình bồi thường

cho chị S 30.000.000 đồng, chị X 100.000.000 đồng và chị T 40.000.000 đồng, tổng số tiền bồi thường là 170.000.000 đồng.

Về kê biên tài sản: Do D không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Cáo trạng số: 114/CT-VKSGD ngày 24-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố bị cáo Lê Minh Dương về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Trong quá trình điều tra, bị hại - Ngô Thị Kim S *trình bày:* Bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho chị số tiền 30.000.000 đồng, nên chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và xin rút yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra, bị hại – Nguyễn Thanh X *trình bày:* Chị đã nhận số tiền bồi thường 100.000.000 đồng xong, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và chị xin rút yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra, bị hại – Nguyễn Thị Mộng T *trình bày:* Chị đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại 40.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và chị xin rút yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra, bị hại – Nguyễn Thị Mộng T1 *trình bày:* Do tin tưởng nên bà có đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị cáo D số tiền 50.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này, về hình phạt bà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị hại – Đặng Nam P1 *trình bày:* Anh có làm hợp đồng đặt cọc với bị cáo D để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai lần, sau đó bị cáo chiếm đoạt của anh số tiền 130.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền này, về hình phạt anh yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị hại – Đặng Thái H1 *trình bày:* Do tin tưởng bị cáo nên anh đã chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng để hùn tiền đặt cọc nhận chuyển nhượng đất, sau đó bị cáo chiếm đoạt số tiền này của anh. Nay anh yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền này, về hình phạt anh yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh D*, Luật sư* Lê Việt Hoàng N – Văn phòng luật sư Nam Lê thuộc Đoàn luật sư tỉnh T *trình bày:* Bị cáo vì không có kiến thức trong lĩnh vực kinh doanh thị trường bất động sản nên dẫn đến thua lỗ khi môi giới chuyển nhượng bất động sản, các bị hại thì do quá tin tưởng bị cáo nên mới dẫn đến hậu quả như ngày nay. Tuy nhiên, bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại xong cho ba bị hại; bị cáo tự thú khai ra những lần phạm tội trước đây; bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Minh D mức án từ 05 năm đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì không có tài sản. Đồng thời áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự: ghi nhận chị Ngô Thị Kim S, chị Nguyễn Thanh X, chị Nguyễn Thị Mộng T đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bồi thường thêm; Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Mộng T1 50.000.000 đồng, anh Đặng Nam P1 130.000.000 đồng và anh Đặng Thái H1 40.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và mới phạm tội lần đầu xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Từ ngày 14/5/2021 đến ngày 08/8/2022, trên địa bàn huyện G, Lê Minh D đã dùng thủ đoạn gian dối là rủ hùn vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của anh Đặng Thái H1 và dùng thủ đoạn lập hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất D không phải là chủ, để chiếm đoạt tiền đặt cọc của chị Ngô Thị Kim S 30.000.000 đồng, chị Nguyễn Thanh X 100.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mộng T 40.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mộng T1 50.000.000 đồng và anh Đặng Nam P1 130.000.000 đồng. Tổng số tiền Lê Minh D đã chiếm đoạt là 390.000.000 đồng thì bị phát hiện.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác. Hành vi của bị cáo D đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Vụ án này mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, không những gây ra bất bình trong dư luận, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng Nhân dân trong việc lập các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo một mức án nghiêm mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự mà bị cáo phải chịu.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại xong cho ba bị hại; bị cáo tự thú khai ra những lần phạm tội trước đây; bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình được quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng.

Do bị cáo không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về bồi thường thiệt hại:

- Chị Ngô Thị Kim S đã nhận 30.000.000 đồng, chị Nguyễn Thanh X đã nhận 100.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mộng T đã nhận 40.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, nên cần ghi nhận.

- Anh Đặng Thái H1 yêu cầu bị cáo bồi thường 40.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mộng T1 yêu cầu bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng và anh Đặng Nam P1 yêu cầu bị cáo bồi thường 130.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của anh H1, bà T1, anh P1 nên cần ghi nhận.

[5] Đối với đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, xét thấy có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do Hội đồng xét xử kết luận bị cáo có tội và phải bồi thường thiệt hại. Nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Lê Minh D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Minh D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16-3-2023.

2/ Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận chị Ngô Thi Kim S đã nhận 30.000.000 đồng, chị Nguyễn Thanh X đã nhận 100.000.000 đồng, chị Nguyễn Thi Mông T đã nhận 40.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bị cáo Lê Minh D bồi thường thêm.

Ghi nhận bị cáo Lê Minh D đồng ý bồi thường thiệt hại cho: anh Đặng Thái H1 40.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mộng T1 50.000.000 đồng và anh Đặng Nam P1 130.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Án phí: Căn cứ vào các Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Bị cáo Lê Minh D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 11.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Nhà tạm giữ CA huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh

- Lưu tập án HSST./.